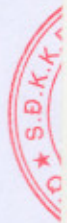


CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	
2. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2010
3. Ông Mai Đình Hùng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
4. Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
5. Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên	
6. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
7. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2010

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính năm 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
 của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của công ty được lập ngày 25/03/2011, trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

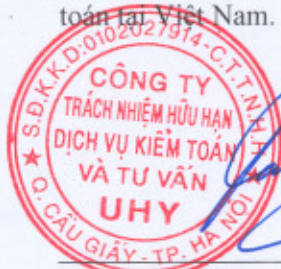
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 có đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty không trích khấu hao vào chi phí cho các tàu biển trong thời gian bị hỏng phải sửa chữa trong năm 2009 với giá trị 27.948.602.654 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2010, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ số tàu biển này.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính do hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV
 Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Hà Minh Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

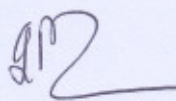
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.927.308.503	78.494.608.928
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.108.542.799	3.787.775.867
Tiền	111		2.108.542.799	3.787.775.867
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		606.132.600	355.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	637.812.600	355.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(31.680.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.852.703.629	63.552.653.304
Phải thu khách hàng	131		14.888.920.284	19.020.066.414
Trả trước cho người bán	132		7.221.145.056	5.942.184.443
Các khoản phải thu khác	135	V.03	49.277.625.144	44.284.903.143
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8.534.986.855)	(5.694.500.696)
Hàng tồn kho	140		-	5.542.928.716
Hàng tồn kho	141	V.04	-	5.542.928.716
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.359.929.475	5.256.251.041
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.274.142.477	2.008.999.382
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		254.301.748	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.831.485.250	3.247.251.659
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.017.280.614	284.966.226.020
Tài sản cố định	220		8.053.753.529	188.011.488.256
Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	3.728.979.415	180.802.333.816
- Nguyên giá	222		10.203.230.323	292.727.330.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.474.250.908)	(111.924.997.157)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.137.461.064	4.021.841.390
- Nguyên giá	225		4.715.561.200	12.645.515.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.578.100.136)	(8.623.673.610)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	2.440.819.250	2.440.819.250
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	109.976.135.685	79.441.814.624
Đầu tư vào công ty con	251		47.617.135.685	37.485.158.415
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.859.000.000	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	11.956.656.209
Tài sản dài hạn khác	260		987.391.400	17.512.923.140
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	540.891.400	17.066.423.140
Tài sản dài hạn khác	268		446.500.000	446.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.944.589.117	363.460.834.948

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		96.420.486.011	210.899.771.415
Nợ ngắn hạn	310		62.254.799.637	149.875.005.244
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	4.800.119.549	79.013.415.978
Phải trả người bán	312		20.167.538.271	30.783.310.872
Người mua trả tiền trước	313		11.745.071.268	14.461.843.561
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	422.301.410	1.101.466.204
Phải trả người lao động	315		493.281.311	3.186.730.934
Chi phí phải trả	316	V.13	18.236.394.280	17.879.911.172
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	5.145.178.277	1.490.724.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.244.915.271	1.957.602.271
Nợ dài hạn	330		34.165.686.374	61.024.766.171
Vay và nợ dài hạn	334	V.14	33.729.317.409	60.571.875.528
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		436.368.965	452.890.643
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.524.103.106	152.561.063.533
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	92.524.103.106	152.561.063.533
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.001.910.000	24.001.910.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.626.488.418)	(2.491.613.188)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(74.117.484.186)	(13.215.398.989)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.944.589.117	363.460.834.948

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



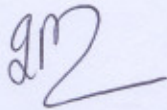
Nguyễn Quang Phúc

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		1.021,93	156.952,03
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

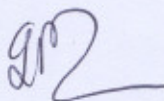
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	9.352.518.592	28.885.611.014
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.17	9.352.518.592	28.885.611.014
Giá vốn hàng bán	11	V.18	41.078.589.491	79.720.808.041
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(31.726.070.899)	(50.835.197.027)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	24.686.815.182	57.237.297.314
Chi phí tài chính	22	V.20	15.922.576.586	15.307.518.291
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.952.934.119	10.295.737.120
Chi phí bán hàng	24		-	24.496.087
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.21	8.689.377.034	10.038.530.417
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.651.209.337)	(18.968.444.508)
Thu nhập khác	31	V.22	154.682.721.736	7.292.883.076
Chi phí khác	32	V.23	166.948.126.261	1.742.607.805
Lợi nhuận khác	40		(12.265.404.525)	5.550.275.271
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	(3.240)	(1.116)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Khấu hao TSCĐ	2	3.750.122.537	9.815.210.831
Các khoản dự phòng	3	2.872.166.159	2.911.057.794
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.064.043.385	697.170.141
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(8.301.007.879)	(63.105.201.144)
Chi phí lãi vay	6	6.952.934.119	10.295.737.120
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(37.578.355.541)	(52.804.194.495)
Tăng giảm các khoản phải thu	9	2.223.203.961	20.184.430.313
Tăng giảm hàng tồn kho	10	5.542.928.716	2.518.843.708
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(24.382.657.806)	34.631.646.798
Tăng giảm chi phí trả trước	12	16.525.531.740	(7.875.973.876)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.734.604.922)	(8.863.778.095)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(630.000.000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.023.710.000	30.828.981.081
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(35.210.000)	(14.636.919.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40.045.453.852)	3.983.036.059
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(2.677.661.559)	(4.685.860.224)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	140.086.750.278	6.346.783.190
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(49.676.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	51.123.280.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.813.980.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.017.500.000	2.570.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.657.774.780	6.195.594.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	139.270.383.499	(18.126.702.975)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.916.042.876	40.245.642.738
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.579.920.082)	(41.586.998.405)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.240.285.509)	(3.225.678.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(100.904.162.715)	(4.567.034.119)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.679.233.068)	(18.710.701.035)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.787.775.867	22.354.825.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	143.651.721
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.108.542.799	3.787.775.867

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 ngày 19/11/1998, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,2%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,8%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất-tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý hàng hải;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14
Máy móc thiết bị	05-10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

10. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

11. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2010 được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này (tỷ giá 18.932 VND/USD) và được xử lý như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán đảo để xóa số dư.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, chi phí sẽ tăng lên là 865.124.770 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

14. BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	260.382.656	66.011.592
Tiền gửi ngân hàng	1.848.160.143	3.721.764.275
Cộng	2.108.542.799	3.787.775.867

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	637.812.600	-	355.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hồng (VSH)	8.800	140.800.000	-	-
+ Cổ phiếu Tổng Công ty nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	5.052	147.012.600	-	-
+ Cổ phiếu Ngân hàng Á Châu	-	-	500	5.000.000
Cộng		637.812.600		355.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.274.818.010
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	10.317.940.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	3.412.500.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hải Phòng	839.352.646	124.684.095
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	339.476.051
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải	-	6.996.039.701
Đa phương thức		
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư	663.629.654	-
Bất động sản Hà Nội		
Seacon	-	2.210.280.427
Thuê bãi Hải An (Kho CFS)	-	235.439.874
Phải thu khác	2.297.418.874	3.104.164.985
Cộng	49.277.625.144	44.284.903.143

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	5.542.928.716
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	-	5.542.928.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2010	28.393.321.895	2.000.978.260	261.420.715.437	756.043.148	156.272.233	292.727.330.973
- Mua trong năm	16.000.000	-	-	30.702.046	-	46.702.046
- Tăng khác	261.577.732	-	-	-	-	261.577.732
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(262.910.244.954)	(157.397.088)	-	(264.603.243.332)
- Giảm khác	(21.316.082.096)	-	-	-	-	(21.316.082.096)
31/12/2010	7.354.817.531	465.376.970	1.597.415.483	629.348.106	156.272.233	10.203.230.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2010	4.666.825.512	2.000.978.260	104.366.913.187	734.007.965	156.272.233	111.924.997.157
- Khấu hao trong năm	1.025.348.124	-	960.435.105	20.563.662	-	2.006.346.891
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(107.181.302.236)	(157.397.088)	-	(108.874.300.614)
- Giảm khác	(1.669.737.526)	-	-	-	-	(1.669.737.526)
31/12/2010	4.022.436.110	465.376.970	1.232.991.056	597.174.539	156.272.233	6.474.250.908
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2010	23.726.496.383	-	157.053.802.250	22.035.183	-	180.802.333.816
31/12/2010	3.332.381.421	-	364.424.427	32.173.567	-	3.728.979.415

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 2.181.400.131 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là các vỏ Containers 40 và 20 feet theo hợp đồng thuê ngày 17/11/2004 giữa Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội và Interpool Limited.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.440.819.250	2.440.819.250
Trong đó:		
+ Chi phí khảo sát Dự án Cảng Phù Đồng	500.000.000	500.000.000
+ Chi phí thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	Số lượng CP	Số lượng CP
	Giá trị VND	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	47.617.135.685	37.485.158.415
- Công ty TNHH Quản lý và KD		
Đầu tư BĐS Hà Nội	12.953.716.493	8.953.716.493
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý		
VT Đa phương thức	8.826.740.174	2.694.762.904
- Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội		
Phía Nam	14.109.057.551	14.109.057.551
- Công ty TNHH Vận tải và DV		
Hàng hải Hải Phòng	11.727.621.467	11.727.621.467
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	59.859.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	1.734.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ	58.125.000.000	30.000.000.000
Hải An		
Đầu tư dài hạn khác	2.500.000.000	11.956.656.209
- Đầu tư cổ phiếu	2.500.000.000	5.700.000.000
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ		
Kỹ thuật Hàng hải	-	200.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	250.000
2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	6.256.656.209
Công ty TNHH VT hàng Công		
nghe cao	-	6.256.656.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	-	420.149.912
Chi phí thuê sân Golf	540.891.400	564.789.400
Chi phí lên đà tàu OP	-	2.332.858.749
Chi phí sửa chữa lớn tàu	-	13.748.625.079
Cộng	540.891.400	17.066.423.140

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	32.604.362.385
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	4.800.119.549	43.839.803.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	2.569.250.593
Cộng	4.800.119.549	79.013.415.978

(*) Xem thuyết minh số 15.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	338.722.018	1.018.279.711
Thuế thu nhập cá nhân	83.579.392	83.186.493
Cộng	422.301.410	1.101.466.204

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	475.655.263	3.039.782.203
Chi phí lãi vay	5.827.926.070	2.609.596.873
Chi phí vật tư tàu	486.165.509	1.097.978.174
Phí cảng và phí quản lý	5.973.387.031	6.247.666.233
Chi phí sửa chữa tàu	5.009.629.576	-
Chi phí môi giới	22.890.089	-
Chi phí phải trả khác	440.740.742	4.884.887.689
Cộng	18.236.394.280	17.879.911.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	33.310.777.840	58.200.074.431
- Vay ngân hàng	33.310.777.840	58.200.074.431
Nợ dài hạn	418.539.569	2.371.801.097
- Thuê tài chính	418.539.569	2.371.801.097
Cộng	33.729.317.409	60.571.875.528

Trong đó:

Các khoản vay dài hạn

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay USD	Số dư nợ gốc 31/12/2010 USD	Số dư nợ gốc phải trả năm tới (USD)	Phương thức đảm bảo khoản
01/200 8/HĐT D/MB- MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/ năm	48 tháng	3.521.000	1.494.977,55	-	Tài sản thế chấp
Cộng				3.521.000	1.494.977,55		
Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 VND	Số dư nợ gốc phải trả năm tới (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
1200-LAV- 200900 722	Sở giao dịch NHNo và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	7.233.571.000	2.225.668.000	Tài sản thế chấp
Cộng				9.619.450.000	7.233.571.000	2.225.668.000	

Các khoản nợ thuê tài chính

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay USD	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 USD	Số dư nợ gốc phải trả năm tới USD
HĐ ngày 03/01/07	Interpool Container Ltd.,	5,51%/năm	60 tháng	593.700	158.091,65	135.984,13
Cộng				593.700	158.092	135.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	156.785.038	-
Kinh phí công đoàn	4.849.200	3.043.729
Bảo hiểm thất nghiệp	39.521.246	13.803.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.944.022.793	1.473.877.379
Trong đó		
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3.875.708.286	-
- Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	672.486.500	555.597.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	395.828.007	918.280.379
Cộng	5.145.178.277	1.490.724.252

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Cổ đông	31/12/2010
		Tổng số vốn đã góp VND
		Tỷ lệ vốn góp %
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.981.089.710
2	Các cổ đông khác	128.574.050.290
Cộng		135.555.140.000
		100%

16.2 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	117.880.870.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	17.674.270.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	135.555.140.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

16.3 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2009	117.880.870.000	24.001.910.000	(1.200.000)	-	20.039.747.900	6.346.747.810	(938.447.359)	167.329.628.351
- Tăng vốn trong năm trước	17.674.270.000	-	-	-	-	-	-	17.674.270.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.141.217.607	1.141.217.607
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(13.418.169.237)	(13.418.169.237)
- Giảm khác	-	-	-	(2.491.613.188)	(17.674.270.000)	-	-	(20.165.883.188)
31/12/2009	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(2.491.613.188)	2.365.477.900	6.346.747.810	(13.215.398.989)	152.561.063.533
01/01/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(2.491.613.188)	2.365.477.900	6.346.747.810	(13.215.398.989)	152.561.063.533
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-	49.557.693	49.557.693
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	865.124.770	-	-	-	865.124.770
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(43.916.613.862)	(43.916.613.862)
- Chuyển lỗ từ công ty con (**)	-	-	-	-	-	-	(17.035.029.028)	(17.035.029.028)
31/12/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(1.626.488.418)	2.365.477.900	6.346.747.810	(74.117.484.186)	92.524.103.106

(*): Là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm 2005, 2006 và 2007 theo Biên bản thanh tra thuế.

(**): Là khoản kết chuyển kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội và Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.4 Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.352.518.592	28.885.611.014
Trong đó:		
+ Doanh thu bán xà lan cầu nổi M10	4.000.000.000	-
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	3.432.768.896	26.296.825.878
+ Doanh thu lưu kho bãi	1.638.959.697	2.288.209.520
+ Doanh thu dịch vụ khác	210.335.454	300.575.616
+ Doanh thu cho thuê cầu bến, phao	70.454.545	-

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn vận tải	35.109.689.635	77.612.719.505
Giá vốn lưu kho bãi	1.247.399.476	2.025.088.665
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	3.636.363.636	-
Giá vốn dịch vụ khác	1.085.136.744	82.999.871
Cộng	41.078.589.491	79.720.808.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.301.780	314.868.690
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	20.680.652.048	50.980.023.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.600.000.000	5.880.725.369
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	112.473.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	248.388.354	61.527.062
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	152.298
Cộng	24.686.815.182	57.237.297.314

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	6.952.934.119	10.295.737.120
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài	56.500.000	236.064.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.001.689.281	3.854.477.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.064.043.385	697.170.141
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	31.680.000	-
Chi phí tài chính khác	1.815.729.801	224.069.475
Cộng	15.922.576.586	15.307.518.291

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.345.789	10.418.764
Chi phí nhân công	2.009.636.067	2.689.240.190
Khấu hao tài sản cố định	150.973.998	296.326.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.925.390.856	3.315.152.536
Chi phí bảo hiểm	22.539.319	27.175.574
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.378.650.545	3.670.673.499
Sửa chữa Tài sản cố định	8.840.460	29.543.224
Cộng	8.689.377.034	10.038.530.417

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Nhượng bán tài sản cố định	144.546.116.662	5.846.783.190
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	10.053.655.430	-
Các khoản khác	82.949.644	1.446.099.886
Cộng	154.682.721.736	7.292.883.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhượng bán tài sản	166.922.916.261	11.097.900
Chi phí khác	25.210.000	1.731.509.905
Cộng	166.948.126.261	1.742.607.805

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.555.394	12.020.516
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu -	(3.240)	(1.116)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khác	1.502.982.300	8.671.282.230
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	663.629.654	1.550.558.434
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	-	6.996.039.701
Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	839.352.646	124.684.095
Phải trả người bán	12.385.015	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	12.385.015	-
Vay ngắn hạn	-	6.500.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	6.500.000.000
Phải trả khác	4.548.194.786	555.597.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	3.875.708.286	-
Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	672.486.500	555.597.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vay vốn	1.321.320.666	7.500.000.000
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.321.320.666	7.500.000.000
Trả vốn vay	7.821.320.666	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	7.821.320.666	-
Thuê nhà	147.307.410	51.674.151
- Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	147.307.410	51.674.151
Cho thuê tàu, phương tiện vận tải	1.013.833.636	21.233.877.610
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	513.270.000	19.070.899.046
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	500.563.636	2.162.978.564
Bán tài sản cố định	181.818.182	-
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	181.818.182	-
Góp vốn đầu tư	51.865.977.270	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	8.631.977.270	-
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	37.500.000.000	-
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	-
Chuyển nhượng vốn góp tại cho đơn vị khác	11.875.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	2.500.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	9.375.000.000	-

2. Số liệu so sánh.

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán (AASC). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập



Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng



Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc